

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 64/2023/HS-ST

Ngày: 19/9/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tấn Lãm

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh –Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước  
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn C**, sinh năm 1984; nơi sinh: Nam Định; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn P, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1963; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Á và 02 người con; **tiền án, tiền sự: Không**; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hoàng Văn T**, sinh năm 1972; nơi sinh: Nam Định; nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Hoàng Văn T1 (đã chết) và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1945; bị cáo có vợ Lâm Thị M và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi

nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1966; nơi sinh: Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn N (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1934; bị cáo có vợ Nguyễn Thị B và 02 người con; **tiền án, tiền sự: Không**; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phan Thị N1**, sinh năm 1971; nơi sinh: Hà Nội; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn H1 (đã chết) và bà Hoàng Thị T3 (đã chết); bị cáo có chồng Hoàng Văn B1 và 02 người con; **tiền án, tiền sự: Không**; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Lữ Văn N2**, sinh năm 1979; nơi sinh: Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Lữ Văn T4, sinh năm 1948 và bà Đặng Thị N3, sinh năm 1950; bị cáo có vợ Lê Thị T5 và 03 người con; **tiền án, tiền sự: Không**; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Lê Thị M1**, sinh năm 1964; nơi sinh: Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Lê Doãn T6, sinh năm 1933 và bà Lê Thị L, sinh năm 1932; bị cáo có chồng Lê Văn H2 và 04 người con; **tiền án, tiền sự: Không**; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Trọng T7**, sinh năm 1986; nơi sinh: Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trọng B2 (đã chết) và bà Đinh Thị H3 (đã chết); bị cáo có vợ Lê Thị N4, chưa có con; **tiền án, tiền sự: Không**; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H4** (tên gọi khác: B3), sinh năm 1995; nơi sinh: Bình Phước; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp:

Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu Đ1, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958; bị cáo có vợ Hồ Thị H5 và 01 người con; **tiền án, tiền sự: Không**; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Cao Văn H6**, sinh năm 1966; nơi sinh: Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: Khu phố D, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ học vấn: **07/10** dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Cao Văn H7 (đã chết) và bà Nguyễn Thị G (không rõ năm sinh); bị cáo có vợ Phạm Thị K và 02 người con; **tiền án, tiền sự: Không**; nhân thân: Ngày 04/01/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội Cố ý gây thương tích; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/4/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*\* Những người tham gia tố tụng khác:*

*Người làm chứng:* Bà Lê Thị T8, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, Bình Phước (vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 23/4/2023, Phan Thị N1 và Cao Văn H6 (cháu rể N1) đang ở nhà N1 tại thôn B, xã Đ, huyện B thì Lữ Văn N2, Hoàng Văn C đi đến chơi thì N1 rủ N2, H6, C đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền, N2, H6 và C đồng ý, sau đó N1 tiếp tục gọi điện thoại rủ Hoàng Văn T đến nhà N1 để đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền thì T đồng ý. Sau khi T đi đến thì N1 lấy một bộ bài tây (loại 52 lá) và một chiếc chăn đã cũ trải xuống nền nhà bếp rồi tất cả ngồi xuống đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền. Khoảng 30 phút sau Lê Thị M1 và Nguyễn Văn Q đi đến nhà N1 chơi thấy đang đánh bài cũng ngồi xuống đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền. Trước khi đánh bài cào liêng thì N2, H6, C, T, N1, M1 và Q thỏa thuận ván bài nào có người thắng số tiền từ 1.000.000 đồng trở lên thì bỏ 50.000 đồng để vào ca nhựa màu trắng cho N1 (gọi là tiền xâu); sau đó N2, H6, C, T, N1, M1 và Q tiến hành đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì N1 lấy 400.000 đồng tiền xâu trong ca nhựa màu trắng rồi đi nấu cháo gà cho những người chơi đánh bài ăn. Sau khi ăn cháo xong H6, T, N2, C, M1 và Q ngồi xuống tiếp tục đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền, còn N1 ngồi xem và dọn dẹp nhà cửa. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày 23/4/2023, Nguyễn Hữu H4 và

Nguyễn Trọng T7 đi đến nhà N1 chơi thấy đang đánh bài thì cũng ngồi xuống tham gia đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền cùng với Cao Văn H6, T, N2, C, M1 và Q.

Hình thức đánh bài cào liêng như sau: Mỗi người chơi thống nhất đặt 50.000 đồng tiền tẩy, người làm cái đặt thêm 50.000 đồng nữa gọi là ảm tẩy. Sau đó, người làm cái sẽ chia cho mỗi người chơi 03 lá bài. Sau khi xem bài thì mỗi người chơi sẽ được đánh lần lượt, xoay vòng từ phải qua trái tính từ vị trí người làm cái. Ai bỏ bài thì thua ván bài đó (mất 50.000 đồng tiền tẩy), ai cân với cái thì bỏ thêm 100.000 đồng. Tổ thêm tiền thì không giới hạn về số tiền tổ và số vòng tổ. Cách tính thắng thua như sau: Nếu ván bài không ai cân thì cái sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt tẩy, nếu có người tổ thì người tổ sau cùng sẽ thắng, nếu cân thì ai có bài lớn nhất sẽ thắng toàn bộ số tiền tẩy, tiền cân và tiền tổ trong ván bài đó. Lớn nhất là sam cô (03 lá cùng 01 nước bài ví dụ 03 lá xì (A) hoặc 03 lá già (K), sam cô lớn nhất là 03 lá bài xì (A), nhỏ nhất là 03 lá bài (2); sau đó đến sảnh hay còn gọi là liêng (03 lá bài có số liền kề nhau trong bộ bài, sảnh lớn nhất là đầm, già, xì (QKA) nhỏ nhất là (123); tiếp đến là 3 tiên (03 lá bài bất kỳ trong số J,Q,K mà không phải sảnh). Cách tính điểm (cộng 03 lá bài lại có điểm 9 là cao nhất, các lá từ 10 đến K tính 0 điểm, nếu sảnh điểm bằng nhau thì bài cào có lá bài chất cơ lớn hơn thì thắng, lần lượt đến rô, tép, bích (BL: 137-254).

Nguyễn Văn Q, Lữ Văn N2, Lê Thị M1, Nguyễn Hữu H4, Cao Văn H6, Nguyễn Trọng T7, Hoàng Văn C và Hoàng Văn T đánh bài cào liêng đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc một bộ bài tây và số tiền 6.550.000 đồng (trong đó ở giữa chiếu bạc thu giữ 01 bộ bài tây và 600.000 đồng; thu giữ tại chỗ ngồi của: Hoàng Văn C số tiền 1.050.000 đồng, Cao Văn H6 số tiền 200.000 đồng, Nguyễn Hữu H4 số tiền 1.700.000 đồng và bên dưới tấm chắn tại vị trí ngồi của Lê Thị M1 số tiền 3.000.000 đồng).

- Thu giữ trên người các bị cáo: Nguyễn Văn Q số tiền 1.050.000 đồng; Nguyễn Trọng T7 số tiền 2.500.000 đồng; Hoàng Văn T số tiền 5.020.000 đồng; Thu giữ sau lưng chỗ ngồi của Cao Văn H6 số tiền 500.000 đồng.

- Thu giữ trong chiếc ca bằng nhựa màu trắng ngay bên cạnh chỗ ngồi của Hoàng Văn C số tiền 400.000 đồng;

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

- Hoàng Văn C sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bài ăn tiền, lúc bị bắt quả tang đã thua 150.000 đồng còn lại 1.050.000 đồng để tại chỗ ngồi bị thu giữ.

- Lê Thị M1 sử dụng 4.200.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt quả tang đã thua 1.200.000 đồng còn 3.000.000 đồng để dưới tấm chăn bị thu giữ.

- Nguyễn Văn Q sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt đã thua 50.000 đồng còn lại 1.050.000 đồng bị thu giữ.

- Nguyễn Hữu H4 sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt quả tang đã thắng được 500.000 đồng, số tiền 1.700.000 đồng để dưới chiếu bạc bị thu giữ.

- Nguyễn Trọng T7 sử dụng khoảng 2.000.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt quả tang T7 đang thắng khoảng 1.000.000 đồng, tổng số tiền T7 bị thu giữ là 2.500.000 đồng.

- Lữ Văn N2 sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt quả tang đã thua hết tiền, đang đặt ván cuối cùng thì bị bắt.

- Phan Thị N1 sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, khi nghỉ chơi đánh bạc không thắng, không thua.

- Hoàng Văn T mang theo 5.020.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc. Lúc bị bắt quả tang T không thắng, không thua, 5.000.000 đồng để trong người bị thu giữ.

- Cao Văn H6 sử dụng 950.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt quả tang đã thua hết 250.000 đồng còn lại 700.000 đồng để dưới chiếu, khi lực lượng Công an đến bắt quả tang thì H6 vứt tờ tiền 500.000 đồng ra sau lưng đã bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là **18.900.000 đồng**.

**Bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 21 tháng 7 năm 2023** của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn Q, Phan Thị N1, Lữ Văn N2, Lê Thị M1, Nguyễn Trọng T7, Nguyễn Hữu H4, Cao Văn H6 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

**- Về trách nhiệm hình sự:**

**Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 32, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T, Cao Văn H6 từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;**

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 32, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị M1, Phan Thị N1 từ 16 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q, Lữ Văn N2, Nguyễn Trọng T7, Nguyễn Văn H8, Hoàng Văn C mức án từ 12 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

- Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 16.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và thu giữ trên người Nguyễn Văn Q, Nguyễn Trọng T7, Hoàng Văn T và Cao Văn H6. Đây là tiền các bị can sử dụng để đánh bạc. Do đó, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 20.000 đồng Hoàng Văn T không sử dụng để đánh bạc, nên cần trả lại cho T.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài tây có 52 lá và 01 tấm chắn bằng vải thun đã cũ mà các bị can sử dụng để đánh bạc; 01 ca nhựa đựng nước màu trắng các bị can sử dụng để đựng tiền “xâu” là vật chứng của vụ án.

Đề nghị truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền 2.500.000 đồng mà bị can Phan Thị N1 sử dụng để đánh bạc và 400.000 đồng bị cáo N1 đã lấy từ tiền đánh bạc mua đồ ăn tối cho các con bạc.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người làm chứng kiến bà Lê Thị T8 khai (bút lục 136): Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 23/4/2023, bà T8 đến nhà bà N1, khi vào bếp thấy M1, C, T, H6, T7, B3, N2, Q đang đánh bài cào liêng, bà T8 đứng xem thì lực lượng Công an vào bắt quả tang, thu giữ 52 lá bài tây, 600.000 đồng tiền mặt, thu giữ tiền trên người các con bạc, cạnh chiếu bạc, dưới chiếu bạc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên tham gia quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, như lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Nhằm mục đích thu lợi bất chính từ việc đánh bạc nên ngày 23/4/2023, các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn Q, Phan Thị N1, Lữ Văn N2, Lê Thị M1, Nguyễn Trọng T7, Nguyễn Hữu H4, Cao Văn H6 đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào liêng thắng thua bằng tiền tại nhà bị cáo N1 thuộc thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 18.900.000 đồng.

Đối chiếu hành vi nêu trên của các bị cáo với những quy định của pháp luật hiện hành thì hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như Cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng và trật tự quản lý hành chính, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ và làm chủ được hành vi của mình. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo nhận thức được và buộc phải nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật và bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm có tiền một cách nhanh chóng mà không phải lao động.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên không có sự tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo, việc các bị cáo đánh bạc mang tính tự phát. Trong vụ án này, bị cáo Phan Thị N1 ngoài hành vi tham gia đánh bạc còn có hành vi sử dụng ngay chính nhà mình cho các đối tượng khác đánh bạc, đã chuẩn bị bài, chặn chiếu phục vụ cho việc đánh bạc và rủ các bị cáo khác tham gia đánh bạc. Bị cáo Cao Văn H6 là người tham gia đánh bạc, đây không phải là lần đầu bị cáo phạm tội. Ngày 04/01/2011, bị cáo H6 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội Cố ý gây thương tích đã được xóa án tích và nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hoàng Văn T là người tham gia đánh bạc, đây không phải là lần đầu bị cáo phạm tội. Ngày 10/5/2014, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội Đánh bạc

đã được xóa án tích và nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Nên cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục và làm gương.

Các bị cáo Hoàng Văn C, Nguyễn Văn Q, Lữ Văn N2, Lê Thị M1, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Trọng T7 đã có hành vi đánh bạc. Hành vi này đã hoàn thành và phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi mà các bị cáo thực hiện mới có tác dụng, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có

- Về tính tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đó là trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo Phan Thị N1, Nguyễn Văn Q, Lữ Văn N2, Lê Thị M1, Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Trọng T7, Hoàng Văn C phạm tội lần đầu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để vận dụng xử phạt tương ứng với từng bị cáo khi lượng hình.

Ngoài ra cần căn cứ các điều 32; 36; 58; khoản 3 điều 321 Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với từng bị cáo cụ thể trong vụ án.

[5] Xét về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người địa phương, có thu nhập và đã thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Do đó ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đ2 điện Viện kiểm sát đề nghị xử lý tang vật và áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 16.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và thu giữ trên người Nguyễn Văn Q, Nguyễn Trọng T7, Hoàng Văn T và Cao Văn H6. Đây là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Do đó, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 20.000 đồng Hoàng Văn T không sử dụng để đánh bạc, nên cần trả lại cho T.

- Đối với 01 bộ bài tây có 52 lá và 01 tấm chắn bằng vải thun đã cũ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc; 01 ca nhựa đựng nước màu trắng các bị cáo sử dụng để đựng tiền “xâu” là vật chứng của vụ án, giá trị không lớn, do đó, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 2.500.000 đồng bị cáo Phan Thị N1 sử dụng để đánh bạc, và 400.000 đồng bị cáo N1 đã lấy từ tiền đánh bạc mua đồ ăn tối cho các con bạc cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Nguyễn Văn Q, Phan Thị N1, Lữ Văn N2, Lê Thị M1, Nguyễn Trọng T7, Nguyễn Hữu H4, Cao Văn H6 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 32, 36, 50, 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Cao Văn H6 02 (*Hai*) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (*Hai mươi một*) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (*Một*) năm 11 (*Mười một*) tháng 09 (*Chín*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (*Hai*) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (*Hai mươi một*) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (*Một*) năm 11 (*Mười một*) tháng 09 (*Chín*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 32, 36, 50, 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thị N1 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (*Hai mươi một*) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (*Một*) năm 05 (*Năm*) tháng 09 (*Chín*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lữ Văn N2 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Lê Thị M1 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T7 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 (Mười mốt) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H4 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 30/4/2023, tương đương với 21 (Hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 (Mười mốt) tháng 09 (Chín) ngày cải tạo

không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Phan Thị N1, Lê Thị M1, Lữ Văn N2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu H4, Nguyễn Trọng T7 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Cao Văn H6 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Phan Thị N1, Lê Thị M1, Cao Văn H6 mỗi bị cáo số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Phạt bổ sung các bị cáo Lữ Văn N2, Nguyễn Trọng T7, Nguyễn Hữu H4 mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*)

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T số tiền 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*);

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Phan Thị N1 số tiền 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*)

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây có 52 lá và 01 tấm chăn bằng vải thun đã cũ mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc; 01 ca nhựa đựng nước màu trắng;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0008838 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước)

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2023).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết**